

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 31/7/2025.  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang H;

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Bùi Thị Q  
2. Bà Hồ Thị Việt H

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu H – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - H tham gia phiên tòa:** Bà Phong Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Cơ sở 2 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2025/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15/07/2025, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Trương Thành C, sinh ngày: 19.6.1976;

CCCD số: 001076015396; cấp ngày 08.4.2021.

**\* Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày: 02.01.1973;

CCCD số: 026173003318, cấp ngày 08.4.2021

Cùng nơi ĐKTT và nơi cư trú: TDP số 9, phường P, quận B, Thành phố H. (Nay là TDP số 9, phường X, Thành phố H. (Chị T, anh C có mặt tại phiên tòa).

**\* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H .

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện và các lời khai, Nguyên đơn anh Trương Thành C trình bày:**

**Về hôn nhân:** Anh Trương Thành C và chị Nguyễn Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T (nay là phường T), thành phố H vào ngày 02 tháng 11 năm 2001. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị C sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 - năm 2022 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thấu hiểu, cảm thông, tin tưởng nhau, tình trạng

căng thẳng thường xuyên kéo dài, tình cảm xa cách, chị T thường xuyên kiểm soát anh, mâu thuẫn không thể giải quyết. Anh chị sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Gia đình và bạn bè hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể đoàn tụ. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 – H xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

**Về con C:** Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Trương Quốc A, sinh ngày: 26/09/2002 và cháu Trương Quốc M, sinh ngày 29/03/2004. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản, công nợ C:** Anh C không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:** Chị đồng ý với ý kiến trình bày của anh C về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị C sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C làm ăn thua lỗ, chị phải trả nợ cho anh C, ngoài ra chị nghĩ anh C còn có quan hệ ngoài hôn nhân. Từ những mâu thuẫn trên nên chị không còn thấu hiểu, cảm thông, tin tưởng anh C và có việc chị kiểm soát anh C, tuy nhiên chị cũng vì thương chồng và vì các con. Nay chị vẫn có tình cảm vợ chồng với anh C. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh – chị được đoàn tụ.

Về con C: Anh C trình bày là đúng, trong thời kỳ hôn nhân anh chị và anh C có 02 con chung là cháu Trương Quốc A, sinh ngày: 26/09/2002 và cháu Trương Quốc M, sinh ngày 29/03/2004. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản C: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ C: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

**Tại phiên tòa:**

- Anh C xác định mâu thuẫn vợ - chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không có hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị T, anh xin được ly hôn chị T.

- Chị T giữ nguyên ý kiến trình bày, chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chị cũng vì chồng, vì con và gia đình. Chị vẫn còn tình cảm với anh C, chị xin được đoàn tụ.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn có ý kiến: Anh C và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, Thành phố H vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá quá trình C sống anh – chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn của anh chị trở lên đỉnh điểm là bắt đầu vào năm 2021 – 2022, nguyên nhân do anh C có làm ăn kinh tế bị thua lỗ, chị T không an ủi động viên anh mà thường xuyên đay nghiến anh; Ngoài ra chị T không tin tưởng anh C, chị cho rằng anh C có quan hệ ngoài luồng, hai vợ chồng cũng không thống nhất trong cách nuôi dạy con cái, từ đó dẫn đến

việc các con cũng bị ảnh hưởng trong việc học tập. Nay mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh C được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung các bên không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét.

### **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay, xét thấy mâu thuẫn của anh chị xuất phát từ nguyên nhân kinh tế; chị T mất niềm tin đối với anh C, cho rằng anh có quan hệ ngoài hôn nhân; ngoài ra anh chị còn không thống nhất được với nhau trong việc chăm nom dạy bảo con chung. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn căn thẳng. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị T, phía chị T cũng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn chị T; về con chung: Hai con chung của anh C và chị T đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh nên không xét; về tài sản, công nợ C: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét; anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 09/4/2025 anh Trương Thành C khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T, chị T có nơi cư trú tại TDP số 9 phường P, quận B, Thành phố H (Nay là TDP số 9 phường X, Thành phố H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Hội đồng xét xử xét thấy anh Trương Thành C và chị Nguyễn Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2001 tại UBND thị trấn C, huyện T (nay là phường T), thành phố H vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C và chị T C sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T không chia sẻ, cảm thông khi anh C làm ăn kinh tế bị thua lỗ; ngoài ra chị nghi ngờ anh có

quan hệ ngoài luồng; Việc nuôi dạy các con hai bên không thống nhất dẫn đến mâu thuẫn trở lên trầm trọng, Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Vì vậy xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chúng không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh C được ly hôn chị T.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung, gồm: Cháu Trương Quốc A, sinh ngày: 26/09/2002 và cháu Trương Quốc M, sinh ngày 29/03/2004. Hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên tự thỏa thuận. Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Các bên đều trình bày không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trương Thành C xin được ly hôn chị Nguyễn Kim T. Cho anh Trương Thành C được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung: Anh C và chị T có hai con C, gồm: cháu Trương Quốc Anh, sinh ngày: 26/09/2002 và cháu Trương Quốc Minh, sinh ngày 29/03/2004. Xét hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, có khả năng tự lao động, không cần cấp dưỡng và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4 Về nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trương Thành C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai ký hiệu: BTLU/23 số 0021257 ngày 09/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B (nay là Phòng Thi

hành án dân sự Khu vực 4 – H ), nay được chuyển thành án phí. Xác nhận anh C đã nộp đủ án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Anh C và chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhân:**

- TAND thành phố H;
- VKSND Khu vực 4 – H;
- VKSND thành phố H;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Quang H**